TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **98** /2026/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 8 năm 2026
"*V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Năm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Tân, ông Nguyễn Tiến Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Triệu Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị N** - Sinh ngày 16/6/1999;

Địa chỉ: khu A, xã B, tỉnh Phú Thọ.

CCCD số [đã mã hóa], do Cục trưởng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/8/2022.

- *Bị đơn:* Anh **Hà Văn Đ** - Sinh ngày 13/8/1995;

Địa chỉ: khu A, xã B, tỉnh Phú Thọ.

CCCD số [đã mã hóa], do Cục trưởng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/4/2021.

(Chị Ngoại, anh Được đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Vũ Thị N trình bày:*

Chị và anh Hà Văn Đ tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 27/8/2019 tại UBND xã Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ (nay là xã Liên Minh, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình nhà anh Được tại Khu Đỗ

Sơn 2, xã Liên Minh, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 4 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Được có xu hướng bạo lực gia đình. Hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2025 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Hà Văn Đ có với nhau 02 con chung tên là C1, sinh ngày 23/8/2021 và C2, sinh ngày 18/3/2024. Hiện nay con chung C1 đang ở cùng anh Được và bố mẹ anh Được tại thôn 2 Đỗ Sơn, xã Liên Minh, tỉnh Phú Thọ; con chung C2 đang ở cùng với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung C2, anh Được trực tiếp nuôi dưỡng con chung C1. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Chị xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 12/8/2026 chị Ngoại trình bày: Chị đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng do công việc bận, đường xa nên chị xin được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử vụ án. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

** Anh Hà Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện quan điểm như sau:*

Anh và chị Vũ Thị N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau năm 2019 tại UBND xã Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND xã Liên Minh, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn chị Ngoại về làm dâu nhà anh và sống cùng bố mẹ anh. Anh và chị Ngoại sống chung đến cuối năm 2025 thì vợ chồng anh không còn tình cảm, nay anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Vũ Thị N có với nhau 02 con chung tên là C1, sinh ngày 23/8/2021 và C2, sinh ngày 18/3/2024. Hiện nay con gái C2 đang ở với chị Ngoại, con trai C1 đang ở với anh. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị Ngoại nuôi con gái C2, anh nuôi con trai C1. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Anh và chị Vũ Thị N không có gì.

Về nợ chung, công sức đóng góp: Anh và chị Vũ Thị N không có.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12 tháng 8 năm 2026 anh Được trình bày: Anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng do anh bận công việc và ở xa nên không thể đến Tòa án để tham gia

các buổi làm việc và tham dự phiên tòa được, anh đề nghị được vắng mặt tại phiên toà. Anh giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa án.

* Kết quả xác minh tại địa phương ngày 16/7/2026, nơi anh Hà Văn Đ và chị Vũ Thị N sinh sống; Ông Hà Xuân H - Trưởng khu Đỗ Sơn 2 (nay là thôn 2 Đỗ Sơn), xã Liên Minh, tỉnh Phú Thọ cho biết: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1999 và anh Hà Văn Đ, sinh năm 1995 có hộ khẩu thường trú tại khu Đỗ Sơn 2 (nay là thôn 2 Đỗ Sơn), xã Liên Minh, tỉnh Phú Thọ. Chị Ngoại và anh Được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 27/8/2019 tại trụ sở UBND xã Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND xã Liên Minh, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn, chị Ngoại và anh Được sinh sống với gia đình nhà anh Được tại khu Đỗ Sơn 2, xã Liên Minh, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, chị Ngoại và anh Được có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm được cụ thể do chị Ngoại và anh Được chưa đề nghị địa phương hòa giải lần nào. Theo như địa phương biết thì chị Ngoại và anh Được sống ly thân từ khoảng tháng 4 năm 2025 cho đến nay. Về con chung, chị Ngoại và anh Được có với nhau 02 con chung tên là C1, sinh ngày 23/8/2021 và C2, sinh ngày 13/8/2024. Hiện nay, cháu Tuấn đang ở cùng với anh Được và bố mẹ đẻ anh Được, cháu Nga dang ở cùng chị Ngoại. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình giữa chị Ngoại và anh Được cụ thể như thế nào thì địa phương không biết. Nay chị Ngoại có đơn đề nghị giải quyết ly hôn với anh Được thì quan điểm của địa phương là đề nghị giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Phú Thọ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Các điều: 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Hà Văn Đ.

- Về con chung: Giao cháu C1, sinh ngày 23/8/2021 cho anh Hà Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung C2, sinh ngày 13/8/2024 cho chị Vũ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị Vũ Thị N và anh Hà Văn Đ không yêu cầu giải quyết. Vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này, sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác nếu đương sự có yêu cầu.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị N tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Vũ Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh Hà Văn Đ. Bị đơn là anh Được cư trú tại xã Liên Minh, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là chị Vũ Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ngoại là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Hà Văn Đ mặc dù vắng mặt nhưng đã có lời khai và quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Được theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị Vũ Thị N và anh Hà Văn Đ theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Hà Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy hôn nhân giữa chị Ngoại và anh Được là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị Ngoại và anh Được phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị Ngoại và anh Được sống ly thân từ tháng 4/2025 đến nay, quan điểm của chị Ngoại và anh Được đều thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, từ thời điểm chị Ngoại với anh Được ly thân đến nay, chị Ngoại và anh Được không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Mặt khác chị Ngoại và anh Được đều xác định tình cảm không còn và đề nghị được ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Hà Văn Đ là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Vũ Thị N và anh Hà Văn Đ có 02 con chung là C1, sinh ngày 23/8/2021 và C2, sinh ngày 18/3/2024. Hiện nay cháu C2 đang ở với chị Ngoại, cháu C1 đang ở với Được. Khi ly hôn, chị Ngoại đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C2, anh Được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C1, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Khi ly hôn anh Được và chị Ngoại đều có quan điểm: Cháu C1 do anh Được trực tiếp nuôi dưỡng, cháu C2 do chị Ngoại trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, chị Ngoại và anh Được có khả năng nuôi con như nhau, cháu Tuấn là con trai hiện đang ở với anh Được, cháu Nga là con gái hiện đang ở với chị Ngoại vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Ngoại và anh Được về việc nuôi con chung là phù hợp với hoàn cảnh hiện tại và cũng phù hợp với các quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Do chị Ngoại và anh Được tự nguyện không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình và các vấn đề khác: Chị Vũ Thị N và anh Hà Văn Đ đều xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Vũ Thị N tự nguyện nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Các điều: 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Hà Văn Đ.

3. Về con chung: Giao cháu C1, sinh ngày 23/8/2021 cho anh Hà Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu C2, sinh ngày 13/8/2024 cho chị Vũ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

4. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình và các vấn đề khác: Chị Vũ Thị N và anh Hà Văn Đ không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị N tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Xác nhận chị Ngoại đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006342 ngày 29 tháng 6 năm 2026. Hoàn trả cho chị Vũ Thị N 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 72 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 34 - Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 3;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Liên Minh, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vi Thị Năm